|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

DỰ THẢO

**Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao**

## **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Sự ra đời của Luật Công nghệ cao năm 2008 đã thể chế hóa các chính sách lớn về ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở nước ta, quy định việc thúc đẩy sự phát triển công nghệ cao được tập trung chủ yếu thông qua một số nhiệm vụ chủ chốt, trong đó có tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các trung tâm R&D công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp lớn về công nghệ cao trên thế giới, đảm đương vai trò đầu tầu về phát triển công nghệ cao, tạo hiệu ứng lan toả.

Tuy nhiên, Luật Công nghệ cao không có Nghị định để hướng dẫn, quy định chi tiết và việc quản lý hoạt động tại khu công nghệ cao được thực hiện theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghệ cao trên thực tế hiện nay đã phát sinh nhiều vướng mắc, không còn phù hợp và không theo kịp với thực tiễn phát triển khu công nghệ cao. Việc xây dựng các Nghị định đặc thù đối với một số khu công nghệ cao chỉ được xem là giải pháp tình thế nhằm giải quyết một số vấn đề riêng đối với khu công nghệ cao cụ thể, không giải quyết được những hạn chế, vướng mắc trong trong công tác xây dựng, vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước nói chung.

Việc xem xét xây dựng và ban hành một Nghị định quy định chung về khu công nghệ cao nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư, vận hành có hiệu quả các khu công nghệ cao trong cả nước, bám sát yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh nước ta đang tích cực, chủ động tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt sau khi Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, là rất cấp thiết.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Nghị định quy định về khu công nghệ cao được định hướng nhằm:

- Xác định rõ tiêu chí, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao làm cơ sở để phát triển các khu công nghệ cao mới cũng như các khu công nghệ cao đã được thành lập.

- Điều chỉnh hoạt động của khu công nghệ cao phù hợp với xu thế, tình hình thế giới hiện nay, đặc biệt cần phải theo kịp cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã ảnh hưởng, tác động sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế quốc gia.

- Đưa các khu công nghệ cao hướng đến mô hình hoạt động mở, tiến tới mô hình thông minh, xanh, sạch và bền vững.

- Định hướng lựa chọn lĩnh vực thu hút đầu tư phù hợp; có cơ chế, chính sách khuyến khích, tập trung thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn hàng đầu thế giới về công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường tối đa thẩm quyền Ban Quản lý khu công nghệ cao, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý khu công nghệ cao.

- Góp phần tạo nền tảng liên kết, hợp tác quốc tế và hình thành chuỗi giá trị gia tăng từ R&D, thương mại hóa sản phẩm công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao đến sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Về thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

**1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Thiếu các quy định cụ thể liên quan đến việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là: quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục.

**1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nhằm xác định các căn cứ để các địa phương có đủ điều kiện xây dựng hồ sơ đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập, quyết định mở rộng khu công nghệ cao.

**1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Chính phủ quy định điều kiện thành lập trên cơ sở làm rõ quy định tại Luật Công nghệ cao, điều kiện mở rộng khu công nghệ cao; nội dung Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; quy trình thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; xác định rõ thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

- Tác động của giải pháp: Việc quy định rõ tiêu chí/điều kiện, xác định rõ vai trò của các cơ quan/tổ chức/cá nhân có liên quan như: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành liên quan, Thủ tướng Chính phủ cũng như quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan đề xuất cũng như cơ quan chủ trì xử lý hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao, đề nghị mở rộng khu công nghệ cao.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Chính sách sẽ giải quyết được triệt để vấn đề thiếu các quy định cụ thể liên quan đến việc thành lập khu công nghệ cao mới cũng như mở rộng khu công nghệ cao hiện hữu.

- Quy định thủ tục hành chính: Không.

- Vấn đề về giới: Không.

**2. Chính sách 2: Về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao**

**2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Công tác giải phóng mặt bằng đối với các khu công nghệ cao thường gặp khó khăn do diện tích đất cần giải phóng mặt bằng lớn; một số khu công nghệ cao công tác giải phóng mặt bằng kéo dài qua nhiều năm nên chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có rất nhiều biến động, không đảm bảo một mặt bằng chính sách chung cho toàn dự án. Đồng thời, việc chưa thu hồi và giải phóng mặt bằng dứt điểm đối với một số khu công nghệ cao đã gây khó khăn trong việc bàn giao đất cho nhà đầu tư để triển khai dự án theo tiến độ cam kết, bên cạnh đó xuất hiện tình trạng tái lấn chiếm bất hợp pháp của các hộ dân. Bên cạnh đó, kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghệ cao là rất lớn, tuy nhiên, ngân sách nhà nước thường cấp chậm, dàn trải, chưa bố trí vốn kịp thời để xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng. Trong khi đó, chưa có chính sách phù hợp để thu hút các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng các khu chức năng.

**2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh công tác xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khoa học và công nghệ và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao, góp phần đẩy nhanh thu hút đầu tư và hoạt động hiệu quả của khu công nghệ cao.

**2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Nghị định quy định những nội dung liên quan đến: quy hoạch xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; giải phóng mặt bằng và tái định cư dân sống trong phạm vi khu công nghệ cao; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đặc biệt là về nguồn vốn triển khai; đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ cao, hạ tầng khoa học và công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; và hợp tác quốc tế trong việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao.

- Tác động của giải pháp: Giải pháp nêu trên sẽ góp phần giải quyết một trong những vướng mắc chính trong việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao là quy hoạch, giải phóng mặt bằng và vốn.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Chính sách sẽ góp phần làm rõ cơ cấu nguồn vốn, giúp các khu công nghệ cao chủ động cân đối nguồn lực được giao trong việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được xác định theo trình tự, mức độ cấp thiết theo quy hoạch được phê duyệt.

- Quy định thủ tục hành chính: Không.

- Vấn đề về giới: Không.

**3. Chính sách 3: Về các hoạt động đầu tư trong khu công nghệ cao**

**2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Có nhiều loại hình hoạt động tại khu công nghệ cao nhưng thiếu tiêu chí cụ thể đối với từng loại hình gây hạn chế cho công tác thu hút đầu tư để phát triển khu công nghệ cao theo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ.

**3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Góp phần thu hút đầu tư có hiệu quả các loại hình hoạt động khác nhau trong khu công nghệ cao trên cơ sở làm rõ các lĩnh vực, hoạt động đầu tư, các công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ ưu tiên.

**3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Nghị định quy định các lĩnh vực đầu tư và công nghệ cao được ưu tiên đầu tư tại khu công nghệ cao; sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển tại khu công nghệ cao; quy định cụ thể đối với một số hoạt động đầu tư trong khu công nghệ cao, ví dụ bao gồm: khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; thương mại hóa công nghệ cao, thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao.

- Tác động của giải pháp: Giúp xác định rõ các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao, để từ đó có phương án xác định, tổ chức quản lý phù hợp với từng loại hình.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Chính sách sẽ giúp nhà đầu tư chủ động xác định được dự án đề xuất đầu tư vào khu công nghệ cao thuộc loại hình hoạt động nào và khung tiêu chí cần đáp ứng áp dụng đối với loại hình hoạt động đó để lựa chọn phương án đầu tư phù hợp.

- Quy định thủ tục hành chính: Không.

- Vấn đề về giới: Không.

**4. Chính sách 4: Về doanh nghiệp khu công nghệ cao**

**4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Có nhiều loại hình doanh nghiệp, dự án đầu tư trong khu công nghệ cao nhưng thiếu tiêu chí cụ thể đối với từng loại hình gây hạn chế cho công tác thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao.

**4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Cụ thể hóa các loại hình doanh nghiệp/dự án hoạt động trong khu công nghệ cao cũng như làm rõ khung tiêu chí đối với từng loại hình khác nhau làm căn cứ xét dự án của doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

**4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Nghị định quy định các loại hình doanh nghiệp/dự án hoạt động trong khu công nghệ cao; quy định khung tiêu chí đối với từng loại hình doanh nghiệp/dự án đầu tư vào/trong khu công nghệ cao.

- Tác động của giải pháp: Cho phép xác định rõ các loại hình doanh nghiệp, dự án trong khu công nghệ cao.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Tiêu chí thu hút đầu tư đối với từng loại hình doanh nghiệp, dự án sẽ góp phần đảm bảo đúng định hướng phát triển của khu công nghệ cao.

- Quy định thủ tục hành chính: Không (do chỉ xác định khung tiêu chí và xác định thẩm quyền ban hành tiêu chí cụ thể).

- Vấn đề về giới: Không.

**5. Chính sách 5: Về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao**

**5.1. Xác định vấn đề bất cập**

Các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao (ví dụ về đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế,…) được thực hiện theo các quy định pháp luật chuyên ngành, do đó, được quy định tản mát tại rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu chính sách trước khi quyết định đầu tư vào khu công nghệ cao. Các chính sách ưu đãi đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng tạo ra sự bất bình đẳng trong việc áp dụng ưu đãi đối với các khu công nghệ cao khác nhau.

**5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Tạo điều kiện cho nhà đầu tư nhanh chóng tiếp cận đầy đủ các thông tin tổng hợp liên quan đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao một cách hiệu quả nhất, tránh lãng phí thời gian tìm hiểu trước khi xem xét, quyết định đề xuất dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Đồng thời, tạo ra sự bình đẳng trong việc áp dụng ưu đãi đối với các khu công nghệ cao khác nhau.

**5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Nghị định quy định nguyên tắc xác định và áp dụng ưu đãi đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao; quy định các ưu đãi về: thuế (thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân…), tiền thuê đất, xuất nhập cảnh; quy định chính sách phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao, chính sách hỗ trợ các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao; quy định về quỹ đầu tư để đầu tư vào các hoạt động ươm tạo công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao.

- Tác động của giải pháp: Giúp làm rõ nguyên tắc xác định và áp dụng ưu đãi đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao; hướng tới sự bình đẳng trong việc áp dụng ưu đãi đối với các khu công nghệ cao khác nhau.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Hỗ trợ có hiệu quả việc tiếp cận các chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội đầu tư vào khu công nghệ cao.

- Quy định thủ tục hành chính: Không (các ưu đãi được thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành).

- Vấn đề về giới: Không.

**6. Chính sách 6: Về tài chính, kế toán và ngoại hối**

**6.1. Xác định vấn đề bất cập**

Khu công nghệ cao là khu kinh tế - kỹ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định, trong đó có bao gồm hoạt động sản xuất, kinh doanh của cả các doanh nghiệp có vốn trong nước và doanh nghiệp FDI, do đó cần các quy định cụ thể về tài chính, kế toán cũng như ngoại hối để đảm bảo có sự quản lý thống nhất của nhà nước đối với các hoạt động này.

**6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Thống nhất quản lý nhà nước liên quan đến các hoạt động tài chính, kế toán và ngoại hối trong khu công nghệ cao.

**6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Nghị định quy định đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán, kế toán của các nhà đầu tư trong khu công nghệ cao, đồng tiền thanh toán, chế độ tài chính kế toán, năm tài chính (có xét trường hợp riêng đối với nhà đầu tư trong khu công nghệ cao có vốn đầu tư nước ngoài), việc lập và nộp báo cáo tài chính kế toán năm cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, quản lý ngoại hối.

- Tác động của giải pháp: Nghị định sẽ điều chỉnh chung hoạt động tài chính, kế toán và ngoại hối trong khu công nghệ cao đối với cơ quan quản lý nhà nước cũng như tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Giúp cơ quan quản lý nhà nước cũng như tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao thống nhất trong hoạt động tài chính, kế toán và ngoại hối trong khu công nghệ cao.

- Quy định thủ tục hành chính: Không.

- Vấn đề về giới: Không.

**7. Chính sách 7: Về quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

**7.1. Xác định vấn đề bất cập**

Các khu công nghệ cao không có mô hình tổ chức và hoạt động thống nhất; Ban Quản lý khu công nghệ cao chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn khu công nghệ cao, bao gồm: quy hoạch, xây dựng, môi trường, đầu tư, lao động, an ninh trật tự,… nhưng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác tổ chức triển khai vì thực tế chưa có đầy đủ thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý; vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ được quy định mờ nhạt.

**7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Hướng tới mô hình tổ chức và hoạt động của các khu công nghệ cao có những sự tương đồng; tăng cường thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao; tăng cường vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ; tiến tới minh bạch hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính hướng tới nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khu công nghệ cao, cải thiện môi trường đầu tư khu công nghệ cao.

**7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp: Nghị định quy định về cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý khu công nghệ cao, cơ cấu tổ chức Ban Quản lý khu công nghệ cao; nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao về các mặt: quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng của nhà đầu tư, của các dự án đầu tư, hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư, đầu tư, đất đai, môi trường, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, lao động, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ và an ninh trật tự, cư trú; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao.

- Tác động của giải pháp: Nghị định giúp làm rõ các nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trên tất cả các mặt có liên quan; giúp tăng cường tối đa vai trò, thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao; tăng cường vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

- Lợi ích: Nghị định cho phép xác định tổng thể và quy định tổng hợp các vấn đề có liên quan đến quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trên tất cả các mặt; giúp tăng cường tối đa vai trò, thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao, hướng tới thực hiện cơ chế “một cửa” trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, dự án đầu tư trong khu công nghệ cao.

- Quy định thủ tục hành chính: Thủ tục xử lý hồ sơ dự án đầu tư của Ban Quản lý khu công nghệ cao.

- Vấn đề về giới: Không.

## **III. LẤY Ý KIẾN**

Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định quy định về khu công nghệ cao (bao gồm Báo cáo đánh giá tác động của chính sách) tới các Bộ, ngành liên quan gồm ............ (từ ngày .../10/2019); gửi đăng Hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày .../10/2019).

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia, một phần đưa vào chỉnh sửa các tài liệu thuộc Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định, một phần sẽ đưa vào sử dụng trong quá trình xây dựng dự thảo nghị định sau này. Đối với các ý kiến liên quan đến nội dung được đánh giá không thuộc phạm vi của nghị định này (như...), Bộ Khoa học và Công nghệ không có ý kiến.

Giải trình tiếp thu ý kiến tham gia được nêu cụ thể trong bảng tổng hợp ý kiến gửi kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu các ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị định số .../BC-BTP ngày .../.../2019, cụ thể:

+ Đã tiếp thu… và…

+ Đã bảo lưu đề xuất… do…

## **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách**

Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách bao gồm tất cả các đối tượng được đề xuất là đối tượng áp dụng của Nghị định quy định về khu công nghệ cao bao gồm: Cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động tại khu công nghệ cao.

**2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách**

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao theo quy định của Nghị định quy định về khu công nghệ cao; chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**